ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Soá: 1562/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 03 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chỉnh phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-STNMT ngày 29 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế mục I (thủ tục hành chính lĩnh vực Khoáng sản) của Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Khoáng sản và lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục kiểm soát TTHC – VPCP;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Website tỉnh;
- UBND cấp huyện, cấp xã;
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh
Email: ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Thời gian ký: 03.07.2018

Vương Bình Thạnh

DANH MỤC THỦ THỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1562 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	125 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- 4.000.000 đồng đối với Giấy phép có diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha - 10.000.000 đồng đối với Giấy phép có diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha - 15.000.000 đồng đối với Giấy phép có diện tích thăm dò trên 50.000 ha	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016 /NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
2	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản	95 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- 4.000.000 đồng đối với Giấy phép có diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha - 10.000.000 đồng đối với Giấy phép có diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha - 15.000.000 đồng đối với Giấy phép có diện tích thăm dò trên 50.000 ha	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
3	Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	53 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- 2.000.000 đồng đối với gia hạn Giấy phép có diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha - 5.000.000 đồng đối với gia hạn Giấy phép có diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha - 7.500.000 đồng đối với gia hạn Giấy phép có diện tích thăm dò trên 50.000 ha	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
4	Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực	53 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11

	thăm dò khoáng sản				năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
5	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	53 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- 2.000.000 đồng đối với chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của Giấy phép có diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha - 5.000.000 đồng đối với chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của Giấy phép có diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha - 7.500.000 đồng đối với chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của Giấy phép có diện tích thăm dò trên 50.000 ha	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
6	Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản	190 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- 10 triệu đồng đối với dự án có tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế đến 01 tỷ đồng - 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) đối với dự án có tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế trên 01 đến 10 tỷ đồng - 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) đối với dự án có tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế trên 10 đến 20 tỷ đồng - 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng) đối với dự án có tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế trên 20 tỷ đồng	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
7	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	95 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- 15.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016 NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-

				- 20.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn - 30.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên - 40.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
8	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	53 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- 7.500.000 đồng đối với gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm - 10.000.000 đồng đối với gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn - 15.000.000 đồng đối với gia	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016

				hạn Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên - 20.000.000 đồng đối với gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
9	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	53 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
10	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	53 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- 7.500.000 đồng đối với chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm - 10.000.000 đồng đối với chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn - 15.000.000 đồng đối với chuyển nhượng quyền khai	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016

				thác khoáng sản của Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên - 20.000.000 đồng đối với chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
11	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	35 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	5.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016 /NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
12	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	2.500.000 đồng đối với gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/ TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
13	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016

14	Thủ tục phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	63 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
15	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
16	Thủ tục đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình	57 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
17	Thủ tục đăng ký khối lượng cát thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	57 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016 /NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
18	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	72 ngày	Sở Tài nguyên	- 15.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12

	ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình		và Môi trường	vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm - 20.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn - 30.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên - 40.000.000 đồng đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	- Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016
19	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	40 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 - Nghị định số 158/2016/ NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 - Thông tư số 191/2016/ TT-BTC ngày 08 ngày 11 tháng 2016